|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** **Ngày soạn: 12/12/2023** **Ngày kiểm tra:**  |  **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I** **NĂM HỌC 2023 - 2024****MÔN: KHTN 8** ***Thời gian: 60 phút, không kể thời gian giao đề*** |

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra CUỐI HỌC KÌ 1, khi kết thúc nội dung:* ***Bài 17. Lực đẩy Archimedes***

**- Thời gian làm bài:**60 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, gồm 16 câu hỏi ở mức độ nhận biết

- Phần tự luận: 6,0 điểm(*Nhận biết: 0 điểm;* *Thông hiểu:3,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung nửa đầu học kì 1: *20% (2,0 điểm).*

- Nội dung nửa học kì sau: *80% (8,0 điểm)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Tổng số****điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** |
| *Bài 1 -> bài base* *(32 tiết)* |  | 4(1,0đ) | 1(1,0đ) |  |  |  |  |  | **1** | **4** | **2,0đ** |
| *Oxide- Muối -Phân bón hoá học (12 tiết)* |  | 6(1,5đ) | 2(2,0đ) |  |  |  |  |  | **2** | **6** | **3,5đ** |
| *Khối lượng riêng và áp suất* *(14 tiết)* |  | 6(1,5đ) |  |  | 1(2,0đ) |  | 1(1,0đ) |  | **2** | **6** | **4,5đ** |
| **Số câu** |  | **16** | **3** |  | **1** |  | **1** |  | **5** | **16** |  |
| **Tổng số điểm** |  | **4,0đ** | **3,0đ** |  | **2,0đ** |  | **1,0đ** |  | **4,0đ** | **6,0đ** | **10đ** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** |  **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I** **NĂM HỌC 2023 - 2024****MÔN: KHTN 8** ***Thời gian: 60 phút, không kể thời gian giao đề*** |

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | **Câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL | TN | TL | TN |
|  **Bài 1: Sử dụng một hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm + Chương I. Phản ứng hoá học** |
| Bài mở đầu Phản ứng hoá họcMol và tỉ khối chất khíDung dịch và nồng độ dung dịch Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá họcTốc độ phản ứng và chất xúc tác | **Nhận biết** | * Nhận biết được một số dụng cụ, hóa chất.
* Nêu được quy tắc sử dụng hóa chất an toàn.

Nhận biết được các thiết bị điện trong môn KHTN.– Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học.– Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học– Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm. Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử). Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau– Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng.– Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học. |  | 4 |  | C1,2,3,4. |
| **Thông hiểu** | * So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối.
* Cân bằng các PTHH theo sơ đồ
 | 1 |  | C17 |  |
| **Vận dụng** | * Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức.
* Sử dụng được công thức để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 0C.
 |  |  |  |  |
| **Chương II. Một số hợp chất thông dụng** |
| AcidBase. Thang pHOxideMuốiPhân bón hoá học | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H+).– Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H2SO4, CH3COOH).Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH–).– Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước.– Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan.Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác, phân loại, gọi tên– Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen.– Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion H+ của acid bởi ion kim loại hoặc ion  – Chỉ ra được một số muối tan và muối không tan từ bảng tính tan.– Trình bày được vai trò của phân bón (một trong những nguồn bổ sung một số nguyên tố: đa lượng, trung lượng, vi lượng dưới dạng vô cơ và hữu cơ) cho đất, cây trồng– Nêu được thành phần và tác dụng cơ bản của một số loại phân bón hoá học đối với cây trồng (phân đạm, phân lân, phân kali, phân N–P–K). |  | 6 |  | C5,6,7,8, 9,10 |
| **Thông hiểu** | – Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) – Tính độ tan của 1 chất trong nướcViết PTHH, tính nồng độ dung dịch | 2 |  | C18; C19 |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Chương III. Khối lượng riếng và áp suất**  |
| Khối lượng riêngThực hành xác định khối lượng riêng  Áp suất trên một bề mặtÁp suất chất lỏng. Áp suất khí quyểnLực đẩy Archimedes | **Nhận biết**  |  Nêu được định nghĩa khối lượng riêng, xác định được khối lượng riêng qua khối lượng và thể tích tương ứng, khối lượng riêng = khối lượng/thể tích..– Liệt kê được một số đơn vị đo khối lượng riêng thường dùngDùng dụng cụ thực hành, khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt, áp suất = áp lực/diện tích bề mặt. – Khái niệm vầ áp suất, Liệt kê được một số đơn vị đo áp suất thông dụng.– Nêu được: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi nguyên vẹn theo mọi hướng; lấy được ví dụ minh hoạ.Viết công thức tính áp suất Nêu được điều kiện định tính về vật nổi, vật chìm; định luật Archimedes (Acsimet).Nêu được: tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực. |  | 4 |  | C13,14,15,16. |
| **Thông hiểu** |  - Xác định được khối lượng riêng của một khối hộp chữ nhật, của một vật có hình dạng bất kì, của một lượng chất lỏng.Mô tả được sự tạo thành tiếng động trong tai khi tai chịu sự thay đổi áp suất đột ngộtThực hiện được thí nghiệm để chứng tỏ tồn tại áp suất khí quyển và áp suất này tác dụng theo mọi phương.- Giải thích được công dụng của việc tăng, giảm áp suất qua một số hiện tượng thực tế….– Giải thích được một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống (ví dụ như: giác mút, bình xịt, tàu đệm khí)…..* Dùng định luật Archimedes để giải thích các hiện tượngthuwcj tế.
 |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Vận dụng các công thức tính các bài tập liên quan đến áp suất | 1 |  | C20 |  |
|  | **Vận dụng cao** | – Thảo luận được công dụng của việc tăng, giảm áp suất qua một số hiện tượng thực tế. | 1 |  | C21 |  |